

NHÌN LẠI CÔNG CUỘC ĐIỀU CHỈNH RUỘNG ĐẤT Ở NÔNG THÔN NAM BỘ TỪ NĂM 1975 ĐẾN GIỮA NHỮNG NĂM 1980

Hoài Phạm*

I. Đặt vấn đề

Đại thắng mùa Xuân năm 1975, đánh dấu một mốc son quan trọng trong lịch sử dân tộc sau 21 năm Kháng chiến chống Mỹ cứu nước, miền Nam được giải phóng hoàn toàn và thống nhất đất nước. Đó chính là một động lực to lớn thúc đẩy nhân dân cả nước nói chung, và nhân dân miền Nam nói riêng tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Nam Bộ ở miền Nam Việt Nam là một vùng đất được khai phá muộn hơn so với phần còn lại của đất nước, chính vì thế vùng đất này có nhiều đặc điểm riêng trong quá trình phát triển. Trong những năm thực dân Pháp đô hộ, sau đó đến sự can thiệp của Đế quốc Mỹ, vùng đất Nam Bộ lại càng chịu nhiều sự tác động từ các yếu tố bên ngoài. Do vậy, việc nghiên cứu kỹ lưỡng những đặc trưng, bản chất và quy luật phát triển của vùng đất này sẽ góp một phần rất quan trọng để giải quyết được những vấn đề còn tồn đọng sau khi miền Nam được giải phóng.

Trong suốt chiều dài lịch sử, việc giải quyết vấn đề ruộng đất luôn được đặt ra đối với bộ máy lãnh đạo. Bởi lẽ, vấn đề ruộng đất đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển nông nghiệp của đất nước. Đối với Đảng và Nhà nước ta cũng thế, ngay sau khi giải phóng, việc giải quyết vấn đề ruộng đất ở vùng nông thôn Nam Bộ cũng được đặt lên hàng đầu. Trên cơ sở nhận thức và kết quả điều tra tình hình ruộng đất sau năm 1975, một công cuộc điều chỉnh ruộng đất ở nông thôn Nam Bộ đã được tiến hành, và có nhiều tác động đến chế độ ruộng đất, cũng như tình hình nông thôn Nam Bộ trong suốt một khoảng thời gian dài.

II. Tình hình ruộng đất ở nông thôn Nam Bộ dưới chế độ Việt Nam Cộng hòa (1955-1975)

Sau khi Hiệp định Genève được ký kết, đất nước bị chia cắt thành hai miền Nam-Bắc với ranh giới là vĩ tuyến 17. Dưới sự hậu thuẫn từng bước của Mỹ, đến năm 1955, Ngô Đình Diệm đã phế truất Hoàng đế Bảo Đại, thành lập Chính quyền Việt Nam Cộng hòa ở miền Nam Việt Nam. Nhờ vào nguồn viện trợ và cố vấn của Mỹ, Ngô Đình Diệm đã đưa miền Nam vào vòng quỹ đạo riêng, trở thành một nhà

* Thành phố Hồ Chí Minh.

nước “phi cộng sản”, đối trọng với Chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở miền Bắc.

Một trong những đối tượng mà Chính quyền Việt Nam Cộng hòa muốn nhắm tới trước tiên là địa bàn nông thôn ở miền Nam Việt Nam, vấn đề an ninh nông thôn là “vấn đề sống chết” của chế độ cộng hòa. Để thực hiện quá trình bình định nông thôn, Chính quyền Sài Gòn buộc phải có những chính sách để thay đổi tình hình ruộng đất nhằm tạo ra chỗ dựa cho mình. *“Sau khi thực dân Pháp thua, các chính quyền kế tiếp nhau được Mỹ ủng hộ cũng gần tầm quan trọng với vấn đề đất đai, tuy nhiên đều theo đuổi các chính sách phù hợp với lợi ích của những chủ điền lớn hơn là tá điền hay các hộ tiểu nông.”*⁽¹⁾

Trước Cách mạng tháng Tám, đa số ruộng đất ở Nam Bộ nằm trong tay các địa chủ phong kiến và thực dân, nông dân chỉ sở hữu một phần nhỏ và đa phần họ trở thành những tá điền hoặc những công nhân nông nghiệp làm thuê cho tư bản Pháp. Trong Cách mạng tháng Tám và nhất là sau khi Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập, tình hình sở hữu ruộng đất của nông dân đã được thay đổi nhờ vào những chính sách cải cách mang tính dân chủ của lực lượng cách mạng. Một số ruộng đất của địa chủ và thực dân đã được cách mạng tịch thu và chia cho nông dân, *“ở Nam Bộ, 527.165 hộ nông dân đã được chia 573.490 ha. Ở khu V, 167.000 ha ruộng đất đã được đem chia cho 771.837 hộ nông dân.”*⁽²⁾ Người nông dân ở miền Nam đã trở thành chủ sở hữu những phần đất riêng của mình với sự công nhận của chính quyền cách mạng.

Đầu năm 1955, Chính quyền Việt Nam Cộng hòa cho triển khai chương trình “Cải cách điền địa”, nội dung chính được quy định trong các Đạo dụ số 2, số 7, số 57, và Thông tư số 216. Giai đoạn thứ nhất, tương ứng với các Dụ số 2 (08/01/1955) và số 7 (05/02/1955). Ở đây, Chính quyền Sài Gòn buộc nông dân phải lập các loại khế ước tá điền: loại A (thời hạn 5 năm, tăng tô 15-25%), loại B (đối với ruộng hoang có chủ) và loại C (đối với ruộng hoang vắng chủ, ruộng công).⁽³⁾ Người nông dân phải thừa nhận về mặt pháp lý quyền sở hữu của địa chủ; và như thế một bộ phận ruộng đất của nông dân được chính quyền cách mạng chia trong kháng chiến đã bị tước đoạt. Căn cứ vào những số liệu đã được công bố của Chính quyền Việt Nam Cộng hòa, người nông dân buộc phải ký *“812.473 khế ước các loại trên một diện tích là 1.461.197 héc ta (trong đó người nông dân Nam Bộ bị buộc phải ký kết các loại khế ước liên quan đến 1.423.077 héc ta, và nông dân ở các tỉnh Trung bộ phải ký khế ước liên quan đến 56.119 héc ta).”*⁽⁴⁾ Người ta ước tính rằng, sau một năm, số diện tích ruộng công rơi vào tay địa chủ, cường hào đã đến một nửa. Số ruộng còn lại mà nông dân buộc phải ký khế ước loại C với Hội đồng Hương chính hầu như chỉ còn lại ruộng đất xấu.

Trước những bất cập và làn sóng phản đối của nông dân miền Nam, ngày 22/11/1956, Ngô Đình Diệm lại ban hành Dự số 57 *“quy định mỗi địa chủ ‘chỉ’ được quyền lưu giữ ruộng riêng với diện tích 100 héc ta. Nhà nước sẽ ‘truất hữu’, tức đứng ra mua lại, để rồi đem chia, tức bán lại cho nông dân. Dự số 57 còn quy định, ngoài 100 héc ta đã nêu, địa chủ còn được giữ thêm 15 héc ta ruộng hương hỏa, nếu địa chủ nào tự làm không phát canh thu tô thì còn được giữ thêm 30 héc ta, tổng cộng là 145 héc ta.”*⁽⁵⁾ Nhìn bề ngoài, Đạo dụ 57 nhằm chia sẻ ruộng đất cho nông dân nghèo không có hoặc thiếu ruộng, nhưng thực chất nó chỉ giúp khôi phục trở lại chế độ sở hữu ruộng đất của thực dân và địa chủ phong kiến. *“Đến cuối những năm 1960, một nghiên cứu hồi tưởng của Mỹ về chương trình cải cách điền địa của Diệm nhận xét rằng, chính phủ có thu hồi những vùng đất rộng lớn từ tay những chủ đất người Việt và người Pháp giàu có. Nhưng nghiên cứu này cũng nhận thấy, chỉ hơn một nửa số đất được thu hồi trên được đem chia lại cho nông dân. Hơn nữa, tổng số hộ gia đình nông thôn được hưởng lợi từ chương trình này chỉ khoảng một trăm nghìn, trong tổng số vài triệu dân nông thôn (...). Năm 1968, xấp xỉ 80% đất trồng ở Đồng bằng sông Cửu Long vẫn được những tá điền nghèo canh tác thuê trên đó - một tỷ lệ hầu như không thay đổi kể từ năm 1954.”*⁽⁶⁾

Trong những vùng giải phóng, dưới chính sách ruộng đất Trung ương Cục và Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam (từ 1960), giai cấp địa chủ hầu như tan rã hết, trung nông hóa ngày càng trở thành xu thế rõ nét. Tính đến cuối năm 1965, trên toàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long, nông dân đã làm chủ được 1.262.175 ha ruộng đất, chiếm khoảng trên 50% số diện tích canh tác toàn vùng. Nếu tính cả số ruộng đất đã có từ trước thì đến năm 1965 nông dân Đồng bằng sông Cửu Long đã làm chủ hơn 60% diện tích canh tác.⁽⁷⁾

Trước xu thế thất bại của cuộc chiến tranh, đặc biệt thất bại trong việc lôi kéo nông dân cũng như thấy được hạn chế của cải cách điền địa, Mỹ và Chính quyền Sài Gòn đã đặt nhiệm vụ bình định từ những năm 70 trên cơ sở nghiên cứu kỹ lưỡng tình hình nông thôn miền Nam Việt Nam. Ngày 26/3/1970, Luật “Người cày có ruộng” ra đời đánh dấu một chuyển biến mới trong chính sách ruộng đất của Chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Luật “Người cày có ruộng” gồm 6 chương và 22 điều khoản với nội dung cơ bản là *“hạ thấp ‘suất hữu trí’ để lại cho địa chủ (từ 100 ha còn 15 ha ở Nam Bộ và 5 ha ở Trung Bộ); cấp không ruộng đất cho nông dân; xóa bỏ chế độ tá canh.”*⁽⁸⁾ Nhưng trên thực tế, ở nông thôn Đồng bằng sông Cửu Long, Luật “Người cày có ruộng” của Chính quyền Nguyễn Văn Thiệu chỉ là sự thể hiện hình thức hợp pháp hóa, trao quyền sở hữu đất đai cho người nông dân thông qua việc cấp giấy chứng nhận sở hữu ruộng đất.⁽⁹⁾

Chương trình “Người cày có ruộng” bắt đầu được thực hiện từ năm 1970, đã đẩy nhanh hơn tiến trình tiểu chủ hóa nông dân, *“chỉ trong vòng trên 2 năm (đến*

cuối năm 1972), một số lượng rất lớn ruộng đất (1.003.325 ha) đã được đem cấp cho một số lượng rất lớn nông dân (858.821 người). Chỉ xét riêng ở mặt diễn biến về ruộng đất, rõ ràng rằng, cho đến một vài năm trước ngày giải phóng toàn miền Nam, đã thực sự xuất hiện tầng lớp tiểu nông ở nông thôn.”⁽¹⁰⁾ Theo số liệu của Tổng nha Điền địa - Chính quyền Sài Gòn, đến ngày 15/7/1974 trên toàn miền Nam đã cấp phát đến 1.290.949 ha ruộng đất. Riêng ở Đồng bằng sông Cửu Long đã có tới 1.154.371 ha được cấp phát, 693.258 chứng thư đã được trao cho nông dân.⁽¹¹⁾

“Người cày có ruộng” đã góp phần quan trọng thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế nông nghiệp hàng hóa, đẩy nhanh quá trình trung nông hóa ở miền Nam và tạo ra những chuyển biến mới trong nông nghiệp: “Luật “Người cày có ruộng” cùng với việc nhập kỹ thuật mới trong nông nghiệp và nông thôn đã đưa đến hình thành một cách thức sản xuất kinh doanh theo phong cách tư bản chủ nghĩa. Trong đó, giai cấp tư sản đã thông qua chân rết ngân hàng, tín dụng, các hợp tác xã, các đại lý vật tư nông nghiệp, mạng lưới buôn bán lúa gạo, nông sản mà khuynh loát kinh tế nông thôn.”⁽¹²⁾

Tóm lại, từ năm 1955 đến những năm 70, Mỹ và Chính quyền Sài Gòn đã thực hiện một số chính sách ruộng đất nhằm phục vụ công cuộc bình định và cứu vãn sự thất bại về mặt quân sự, tranh giành ảnh hưởng đối với cách mạng ở các vùng nông thôn. Nó đã tác động mạnh mẽ đến tình hình ruộng đất ở Nam Bộ trước những năm 1975; đồng thời, cũng đã tạo ra những cơ sở cho sự phát triển nông nghiệp miền Nam hướng theo con đường sản xuất hàng hóa tư bản chủ nghĩa. Và nhìn chung, “dù có những phức tạp về ruộng đất nhưng đến trước ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, sự ổn định vẫn là mặt căn bản, phổ biến trên toàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cả ở vùng tranh chấp, vùng giải phóng và vùng tạm chiếm trước kia.”⁽¹³⁾

III. Quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về vấn đề ruộng đất ở Nam Bộ sau ngày giải phóng

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, trên cơ sở phân tích tình hình kinh tế, xã hội, Đảng ta đã đề ra nhiều nhiệm vụ quan trọng và cấp bách nhằm giải quyết những vấn đề đặt ra đối với miền Nam, nhanh chóng đưa miền Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội. Trong đó, tình hình ruộng đất ở miền Nam bấy giờ cũng tồn tại nhiều điểm cần phải điều chỉnh, “nhiệm vụ điều chỉnh ruộng đất đặt ra như một mục tiêu đầu tiên của quá trình cải tạo nông nghiệp theo chủ nghĩa xã hội ở nông thôn Nam Bộ sau giải phóng. Mục tiêu đó là xóa bỏ bóc lột bằng cách xóa bỏ sự tập trung ruộng đất ở một số người, làm giảm bớt mức độ chênh lệch về ruộng đất trong nội bộ nông dân, chia cấp thêm ruộng đất cho các hộ nông dân nghèo chưa có đất....”⁽¹⁴⁾

Hàng loạt các nghị quyết, chỉ thị quan trọng nhằm giải quyết các vấn đề ở nông thôn, nông nghiệp và ruộng đất ở Nam Bộ đã được Đảng và Nhà nước ta ban

hành liên tục sau ngày giải phóng. Báo cáo của Bộ Chính trị tại Hội nghị Trung ương lần thứ 24, khóa III ngày 13/8/1975 đã đề ra nhiệm vụ giải quyết vấn đề ruộng đất cho nhân dân lao động, trong đó cần “xóa bỏ tàn dư của chế độ thực dân và phong kiến về ruộng đất. Trưng thu đồn điền, ruộng đất của tư sản mại bản và địa chủ phản động, của số đã chạy ra nước ngoài hoặc đã bỏ kinh doanh trong nhiều năm. Quốc hữu hóa những đồn điền của tư bản nước ngoài (...) Lấy lại ruộng đất của địa chủ bằng cách vận động hiến ruộng hoặc trưng thu (...) Đối với ruộng đất trong nội bộ nông dân lao động bị xáo trộn trong thời gian chiến tranh, hướng giải quyết là thương lượng và tương trợ nhau trong nông dân lao động, điều chỉnh trên cơ sở nguyên canh, bảo đảm đoàn kết nông thôn và lợi cho sản xuất, bảo đảm nông dân lao động nào cũng có ruộng đất để sinh sống và đóng góp cho nhà nước.”⁽¹⁵⁾

Tiếp đó, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 24 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng cũng tiếp tục nhấn mạnh chủ trương: “triệt để xóa bỏ các tàn dư của chế độ thực dân và phong kiến về ruộng đất”. Đến ngày 15 tháng 7 năm 1976, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 254/NQ-TW bàn về tình hình và nhiệm vụ trước mắt ở miền Nam sau giải phóng và những công tác cấp bách trong nông thôn, nông nghiệp và ruộng đất ở miền Nam. Nghị quyết 254 đã hướng dẫn đầy đủ và cụ thể việc thực hiện các nhiệm vụ giải quyết vấn đề ruộng đất đã được nêu ra trong Nghị quyết số 24.

Trong Nghị quyết 254, Bộ Chính trị đã nhận xét: “ở nông thôn Nam Bộ chưa triệt để xóa bỏ các tàn dư của chế độ phong kiến về ruộng đất, chưa giải quyết xong những tranh chấp về ruộng đất trong nông thôn... Trải qua chiến tranh lâu dài và ác liệt, ruộng đất bị xáo trộn khá nhiều, diện tích phải giải quyết tranh chấp đất đai trong nội bộ nông dân khá rộng”. Trên tinh thần nhận xét đó, Nghị quyết 254 đề ra nhiệm vụ: “Xóa bỏ các tàn dư giai cấp địa chủ phong kiến, giải quyết tốt các vụ tranh chấp ruộng đất trong nội bộ nông dân, quốc hữu hóa và tịch thu ruộng đất của địa chủ phản động và địa chủ chạy ra nước ngoài, vận động các địa chủ khác hiến ruộng đất và trưng mua lại ruộng đất của họ. Số ruộng đất đó đem chia cho những hộ nông dân không có hoặc thiếu ruộng đất để sản xuất nông nghiệp”. Nghị quyết 254 nói rõ chủ trương chung là “ổn định tình hình trên cơ sở nguyên canh là chính; cũng có trường hợp cần lãnh đạo để điều chỉnh, như trường hợp đối tượng có nhiều ruộng đất có thể san sẻ, nếu không có điều kiện san sẻ thì cấp đất ở nơi khác cho người mới về; phần đất có mồ mả của gia đình nông dân nào thì nên trả lại cho gia đình nông dân ấy.”⁽¹⁶⁾

Nhằm triển khai Nghị quyết 254 của Bộ Chính trị, tháng 9 năm 1976, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra Chỉ thị số 235-CT/TW ngày 20 tháng 8 năm 1976 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam “Về việc thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về vấn đề ruộng đất ở miền Nam” và Quyết định số 188/CP ngày 25 tháng 9 năm 1976 của Hội đồng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa

Việt Nam “Về chính sách xóa bỏ triệt để tàn tích chiếm hữu ruộng đất và các hình thức bóc lột thực dân, phong kiến ở miền Nam Việt Nam.” Từ đó, Quyết định số 188 đặt ra nhiệm vụ cần phải nhanh chóng thúc đẩy quá trình điều chỉnh ruộng đất. Tinh thần Nghị quyết số 24, 254 và Quyết định số 188 đã được Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng vào tháng 12 năm 1976 đúc kết và chỉ đạo: *“Ở miền Nam, nhiệm vụ cải tạo quan hệ sản xuất mới bắt đầu, còn là một nhiệm vụ rất nặng nề và phức tạp... Do đó, cần phải xóa bỏ triệt để quyền chiếm hữu về ruộng đất và những tàn tích bóc lột phong kiến, quốc hữu hóa tư liệu sản xuất, tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp.”*⁽¹⁷⁾

Trên cơ sở thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về giải quyết vấn đề ruộng đất sau giải phóng, trong những năm 1975-1978, các cấp ủy Đảng và chính quyền cơ sở ở nông thôn miền Nam nói chung đã khẩn trương tiến hành điều chỉnh ruộng đất trong nội bộ nông dân. Việc điều chỉnh này diễn ra ở nhiều nơi có sự nhanh chậm khác nhau. Mặc dù vậy, quá trình điều chỉnh ruộng đất đã đạt được những kết quả nhất định. Tính đến năm 1978, ở Nam Bộ đã có 10% số hộ nông dân không có ruộng hoặc thiếu ruộng đã được chia cấp 191.931 ha ruộng đất.⁽¹⁸⁾ Tuy kết quả đạt được như vậy nhưng việc giải quyết vấn đề ruộng đất ở Nam Bộ gặp phải nhiều khó khăn. Ở nhiều nơi trong nông thôn, số hộ nông dân không có và thiếu ruộng đất vẫn còn tồn tại. *“Ở tỉnh Cửu Long, trong 9 ấp thuộc 5 huyện vẫn còn 25,8% số hộ nông dân không có và thiếu ruộng đất, trong đó có nông chiếm 5,5%, bán nông chiếm 20,3%. Tỉnh Kiên Giang còn 6,5% số hộ nông dân hoàn toàn không có ruộng và 20% số hộ thiếu ruộng đất.”*⁽¹⁹⁾

Như vậy trong khoảng thời gian từ 1975-1978, quá trình điều chỉnh ruộng đất đã được thực hiện, nhưng xuất phát từ tình hình xã hội Nam Bộ còn nhiều vấn đề cần phải giải quyết, nên quá trình này diễn ra khá chậm chạp và số lượng ruộng đất được chia cho nông dân còn khá thấp. Chính vì thế, bắt đầu từ năm 1978, một đợt điều chỉnh ruộng đất “thực sự” đã được triển khai trên toàn nông thôn Nam Bộ. Về đại thể, chúng ta có thể chia quá trình điều chỉnh ruộng đất ở nông thôn Nam Bộ sau giải phóng thành hai đợt lớn: đợt 1 từ năm 1978 đến năm 1982, đợt 2 từ năm 1983 đến 1985.

IV. Quá trình điều chỉnh ruộng đất ở nông thôn Nam Bộ từ năm 1978-1985

1. Điều chỉnh đợt 1 từ năm 1978 đến 1982

Cho đến năm 1978, sau một vài năm thực hiện điều chỉnh, tình hình ruộng đất ở nông thôn Nam Bộ đã có những chuyển biến nhất định, tuy nhiên *“những điều kiện về sản xuất và đời sống của tầng lớp nông dân không ruộng và thiếu ruộng, hầu như không được cải thiện gì so với trước đây. Vẫn phải đi làm thuê, vẫn túng thiếu, vẫn nợ nần. Với lại, số lượng hộ này chiếm một tỷ lệ không nhỏ trong nông thôn: trên 1/5.”*⁽²⁰⁾

Trước tình hình đó, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chỉ thị, quyết định quan trọng nhằm đẩy mạnh công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, trong đó có công tác điều chỉnh ruộng đất. Ngày 15 tháng 11 năm 1978, Chỉ thị số 57-CT/TW của Bộ Chính trị “Về việc xóa bỏ các hình thức bóc lột của phú nông, tư sản nông thôn và tàn dư bóc lột phong kiến; thật sự phát huy quyền làm chủ tập thể của nông dân lao động; đẩy mạnh công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp các tỉnh miền Nam” đã nhận định về tình hình nông thôn Nam Bộ tại thời điểm đó: *“tàn dư bóc lột của địa chủ phong kiến về cơ bản đã bị xóa bỏ, phần lớn ruộng đất đã thuộc về nông dân lao động. Tuy nhiên một số nơi vẫn còn tàn dư bóc lột của địa chủ phong kiến và khá nhiều nơi vẫn tồn tại những hình thức bóc lột của phú nông, tư sản nông thôn (...). Tình trạng chênh lệch quá nhiều về sở hữu ruộng đất giữa các hộ vẫn còn, kể cả nơi bình quân diện tích cao và nơi bình quân diện tích thấp. Trong khi một bộ phận nông dân không có hoặc thiếu ruộng đất, thì vẫn còn một bộ phận nông dân khác chiếm hữu quá nhiều ruộng đất, không đủ sức lao động để tự làm, phải thuê mướn nhân công, kinh doanh thu lợi...”*⁽²¹⁾ Từ đó Đảng đã đề ra nhiệm vụ phải *“triệt để xóa bỏ tàn dư bóc lột phong kiến và các hình thức bóc lột tư bản chủ nghĩa (bao gồm bóc lột của phú nông, tư sản nông thôn và phần bóc lột tư bản chủ nghĩa của một số trung nông lớp trên), xúc tiến điều chỉnh lại ruộng đất, tổ chức lại việc sử dụng máy móc nông nghiệp.”*⁽²²⁾

Tiếp theo Chỉ thị 57 của Bộ Chính trị, ngày 14 tháng 12 năm 1978, Hội đồng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 319-CP, tiếp tục xóa bỏ triệt để các hình thức bóc lột tư bản chủ nghĩa về ruộng đất và điều chỉnh ruộng đất ở nông thôn miền Nam. Nội dung cơ bản của Quyết định 319 là: *“vận động các hộ phú nông-tư sản nông thôn hiến ruộng đất, nhà nước trưng mua ruộng đất của họ, trưng thu ruộng đất thừa của bọn ác ôn, phú nông-tư sản nông thôn, thương lượng các hộ trung nông lớp trên nhường bớt số ruộng đất thừa của họ. Mức để lại cho họ được tính vào mức bình quân chiếm hữu ruộng đất trên đầu người của xã. Sau đó ruộng đất được đem chia cho những hộ nông dân không có hoặc thiếu ruộng đất và những hộ làm nghề khác bị thất nghiệp quay về nông thôn...”*⁽²³⁾

Trong năm 1978, số ruộng đất được điều chỉnh đã tăng nhanh so với các năm trước đó, 107.333,4 ha đất canh tác đã được chia cho nông dân nghèo, chiếm 18,5% tổng số đất điều chỉnh và gần 4% đất canh tác ở Nam Bộ.⁽²⁴⁾ Công tác điều chỉnh ruộng đất ở một số địa phương cũng được đẩy mạnh, *“thực hiện chỉ thị 57, (...), tỉnh Minh Hải 12.957 ha, và tỉnh Hậu Giang có diện tích điều chỉnh cao nhất với 59.422 ha.”*⁽²⁵⁾ Ở tỉnh Tiền Giang theo báo cáo của Tỉnh ủy, đến năm 1979 *“đã vận động hiến, tịch thu đến 12.000 ha ruộng đất của 174 địa chủ, 445 hộ phú nông chia cấp cho 13.300 hộ không có và thiếu ruộng đất, đồng thời vận động các hộ trung nông khá giả thực hiện “nhường cơm sẻ áo” với 2.427 ha từ 2.687 hộ trung*

nông và đem chia cấp cho 3.881 hộ không đất, thiếu đất.”⁽²⁶⁾ Ở tỉnh Đồng Tháp, hơn 10.300 ha đất canh tác được thu hồi đem chia cấp cho 7.799 hộ nông dân, trong đó có 3.999 hộ gia đình có công với cách mạng, 2.244 hộ nông dân không có và thiếu ruộng đất và 72.000 nhân khẩu kiều bào từ Campuchia về.⁽²⁷⁾

Đến đầu thập niên 1980, công cuộc điều chỉnh ruộng đất tuy đã được tăng cường nhưng vẫn vấp phải nhiều khó khăn, trở ngại, và việc điều chỉnh này khó có thể kết thúc nhanh chóng theo đúng tiến độ được, *“hiện nay ở nông thôn Nam Bộ (qua điều tra ở một số địa phương) tuy chỉ có 10% số ruộng đất còn phải thuê mướn người làm, nhưng lại có gần 25% tổng số hộ nông dân (chuyên sống bằng nghề làm ruộng) đang thiếu hoặc không có ruộng đất để sản xuất. Sự chênh lệch về ruộng đất ở nông thôn Nam Bộ không phải chỉ ở một vài địa phương cá biệt mà ở khắp nơi...”*⁽²⁸⁾ Theo kết quả điều tra của Viện Khoa học Xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 1981 cho thấy, những nông dân nghèo bao gồm các hộ loại I (không sản xuất nông nghiệp), loại II (nông dân làm thuê) và loại III (trung nông nghèo và trung nông) chiếm 85% số hộ, nhưng chỉ chiếm 70% diện tích canh tác. Những hộ nông dân loại IV (trung nông khá) chiếm 12% số hộ, 23% ruộng đất, có ruộng đất bình quân tính theo đầu người 3.623m², nhiều gấp 4 lần so với các hộ nông dân loại II và gần 2 lần so với các hộ loại III. Những hộ nông dân loại V (phụ nông - tư sản nông thôn) chỉ chiếm 2,43% tổng số hộ, 11% lực lượng lao động, nhưng lại có bình quân đầu người là 5.688m² ruộng đất, gấp 9 lần so với hộ loại II và trên 2,8 lần so với hộ loại III.⁽²⁹⁾

Thông báo số 14-TB/TW ngày 30 tháng 4 năm 1981 “Kết luận của Ban Bí thư tại Hội nghị bàn việc xúc tiến công tác cải tạo nông nghiệp ở các tỉnh Nam Bộ” đã nêu rõ: *“đến nay nhiều vùng ở nông thôn Nam Bộ vẫn còn một bộ phận khá đông nông dân không có hoặc chỉ có rất ít ruộng đất, phải sống bằng lao động làm thuê. Người nông dân, trước hết là nông dân nghèo vẫn bị bóc lột dưới nhiều hình thức.”*⁽³⁰⁾ Từ đó, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ V khẳng định rằng: *“trong 5 năm (1981-1985), phải kiên quyết điều chỉnh lại ruộng đất và cơ bản hoàn thành việc đưa nông dân các tỉnh Nam Bộ vào con đường làm ăn tập thể...”*⁽³¹⁾ Công tác điều chỉnh ruộng đất ở nông thôn Nam Bộ tiếp tục được đẩy mạnh thực hiện. Trên tinh thần “nhường cơm sẻ áo”, nhiều trung nông lớp trên đã chia phần ruộng đất “dư” của mình cho những hộ thiếu hoặc không có ruộng đất.

Ở xã Tân Hội, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã điều chỉnh của 111 hộ để giao khoán cho 177 hộ thiếu và không có đất, trong đó chia cấp 24,22 ha cho 97 hộ gia đình chính sách, 7,3 ha cho 59 hộ nông dân nghèo, 2,43 ha cho 14 hộ khác, 1,7 ha cho 7 hộ làm nghề thủ công.⁽³²⁾ Có thể thấy, số ruộng đất được chia cho nông dân ở xã này khá thấp, dẫn đến tình trạng đất đai bị xé nhỏ và trở nên manh mún. Theo kết quả điều tra năm 1981 tại 4 xã thuộc các tỉnh Hậu Giang, Minh Hải tháng

4 và 5 năm 1981 cho thấy rằng đã có 30,6% số hộ đã phải nhường bớt ruộng đất của mình. Trong đó có đến 15% số hộ là trung nông lớp dưới.⁽³³⁾

Theo những số liệu thu thập được, tính đến năm 1982, các tỉnh Nam Bộ đã rút được khoảng 270.000 ha ruộng đất, gần bằng 1/10 diện tích canh tác để chia cấp cho những hộ nông dân không có hoặc thiếu ruộng đất. Số liệu cụ thể ở một số tỉnh như sau:

Bảng 1: Diện tích ruộng đất được điều chỉnh của một số tỉnh ở Đồng bằng sông Cửu Long tính đến năm 1982⁽³⁴⁾

Tỉnh	Diện tích ruộng đất điều chỉnh (đơn vị ha)	Số hộ được cấp đất (đơn vị hộ)
Bến Tre	67.769	75.682
Tiền Giang	1.675,20	6.353
Hậu Giang	33.588	32.920
Đồng Tháp	10.300	7.799
Kiên Giang	15.000	15.000
An Giang	16.000	-
Minh Hải	5.432	4.782

Tiếp tục thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, công tác điều chỉnh tiếp tục được diễn ra, số lượng ruộng đất được điều chỉnh tăng lên đáng kể. Đến năm 1983, ở nông thôn miền Nam đã có 271.785 ha ruộng đất được chia cấp cho nông dân không có ruộng hoặc thiếu ruộng.⁽³⁵⁾

Tuy nhiên, trên thực tế, trong nông thôn miền Nam, quá trình điều chỉnh ruộng đất đã diễn ra hết sức phức tạp và không đồng đều giữa các địa phương. Thậm chí đến năm 1983, có nhiều vùng vẫn chưa tiến hành điều chỉnh lần nào. Không những thế “*tư tưởng bình quân tuyệt đối đã hoàn toàn thống trị trong việc giải quyết vấn đề ruộng đất, và “cào bằng” ruộng đất trên từng xã, từng ấp.*”⁽³⁶⁾ Hạn chế này lại tiếp tục được thể hiện rõ trong đợt điều chỉnh lần thứ hai vào những năm 1983 đến 1985.

2. Điều chỉnh đợt 2 từ năm 1983 đến 1985

Sau đợt điều chỉnh từ năm 1978-1982, đến giữa năm 1983, số ruộng đất được điều chỉnh vẫn chưa đáp ứng được cho tất cả các hộ nông dân ở nông thôn Nam Bộ, công cuộc điều chỉnh ruộng đất vẫn chưa thể hoàn thành. Chính vì thế, ngày 03 tháng 5 năm 1983, Ban Bí thư đã ra Chỉ thị số 19-CT/TW về việc “Hoàn thành điều chỉnh ruộng đất, đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở các tỉnh Nam Bộ” nhằm hướng dẫn việc đẩy mạnh điều chỉnh ruộng đất. Ban Bí thư đã nhận định tình hình điều chỉnh lúc đó như sau: “*Việc xóa bỏ bóc lột về ruộng đất và điều chỉnh ruộng đất tiến hành không triệt để, đến nay, còn nhiều nơi chưa làm*

xong; tình hình bóc lột ở một số vùng nông thôn hiện nay vẫn nghiêm trọng; có những cán bộ, đảng viên còn trực tiếp tham gia bóc lột.”⁽³⁷⁾ Ban Bí thư tiếp tục xác định nhiệm vụ trước mắt cần: “khẩn trương điều tra những hộ tư sản, phú nông và địa chủ còn bóc lột về ruộng đất (...). Thuyết phục những hộ trung nông lớp trên nhường bớt số ruộng đất vượt quá mức lao động của gia đình; việc điều chỉnh ruộng đất phải được bàn bạc dân chủ trong nội bộ nông dân lao động và phải theo tinh thần “nhường cơm sẻ áo”, ổn định và đẩy mạnh sản xuất, khuyến khích thâm canh (...) tránh gò ép, mệnh lệnh, cào bằng, gây mất đoàn kết nông thôn (...). Số ruộng đất rút ra trong phạm vi từng xã, đem chia cấp cho những hộ nông dân chưa có hoặc thiếu ruộng đất tính theo bình quân khẩu của xã. Có thể điều chỉnh ruộng đất chia cấp giữa các xã gần nhau...”⁽³⁸⁾ Trên cơ sở những nội dung của Chỉ thị 19, quá trình điều chỉnh ruộng đất ở nông thôn miền Nam lại tiếp tục được đẩy mạnh hơn, trong lần điều chỉnh này, cả số lượng diện tích ruộng đất và số lượng nông dân được cấp đất tăng lên một cách nhanh chóng.

Các tỉnh Nam Bộ, sau khi Chỉ thị 19 ra đời, đã chia cấp được 96.983 ha ruộng đất. Số ruộng đất được điều chỉnh theo Chỉ thị này bằng 16,7% tổng số ruộng đất được điều chỉnh từ 1976 đến 1985 và bằng 3,4% số đất canh tác của Nam Bộ.⁽³⁹⁾ Ở tỉnh Bến Tre, tính đến năm 1984, đã điều chỉnh 12.500 ha cho 41.000 hộ nông dân. Ở Tiền Giang, thực hiện Chỉ thị 19, tỉnh này đã điều chỉnh được thêm 8.614,24 ha của 27.086 hộ nhiều ruộng đất chia cấp cho 26.436 hộ ít ruộng đất. Còn ở tỉnh Cửu Long, cũng đã vận động thêm được 7.574 hộ có đất “dư” với 5.675,82 ha san sẻ cho những hộ thiếu và không có ruộng đất, nâng tổng số hộ và diện tích đất điều chỉnh đến giữa năm 1984 là 15.491 hộ, san sẻ 11.655,6 ha ruộng đất cho 17.343 hộ không có đất và thiếu đất.⁽⁴⁰⁾ So với giai đoạn trước, số ruộng đất và số hộ điều chỉnh tăng lên nhanh chóng. Hầu hết nông dân ở nông thôn Nam Bộ đều sở hữu một diện tích đất nhất định tùy theo vùng. Tuy nhiên, dựa vào những số liệu trên, diện tích mỗi hộ nông dân sở hữu khá nhỏ, việc tập trung ruộng đất đã bị cản trở và có thể nói đã hoàn toàn bị dừng lại.

Đến cuối năm 1984, nhiều tỉnh ở Đồng bằng sông Cửu Long, về cơ bản đã hoàn thành công tác điều chỉnh ruộng đất, tỉnh Cửu Long đã thuyết phục 15.918 hộ có đất dư chia lại 13.948 ha ruộng đất cho 17.633 hộ nông dân không đất và thiếu đất.⁽⁴¹⁾ Tỉnh An Giang đã điều chỉnh tổng cộng hết 66.358 ha cho 79.565 hộ. Tỉnh Hậu Giang cùng nhiều tỉnh khác cũng hoàn thành điều chỉnh ruộng đất trong những năm 1984-1985.⁽⁴²⁾

Qua năm 1985, hầu hết các tỉnh ở Nam Bộ đã hoàn thành việc thực hiện điều chỉnh ruộng đất. Như vậy, công cuộc điều chỉnh ruộng đất ở nông thôn Nam Bộ đã trải qua 10 năm thực hiện, hầu hết các hộ nông dân đã có ruộng đất trong tay để sản xuất nông nghiệp: “trong vòng 10 năm 1975-1985, 381.517 ha ruộng đất

đã được điều chỉnh cho 480.312 hộ nông dân, riêng 1985, con số đó là 114.713 ha cho 148.196 hộ nông dân.”⁽⁴³⁾

Bảng 2: Diện tích ruộng đất và số hộ được điều chỉnh⁽⁴⁴⁾

Thời gian	Diện tích canh tác được điều chỉnh (ha)		Số hộ được điều chỉnh (hộ)	
	Toàn Nam Bộ	ĐBSCL	Toàn Nam Bộ	ĐBSCL
1975-1983	162.419	140.698	199.446	178.761
1975-1984	266.774	240.169	332.146	296.926
1975-1985	381.517	331.210	480.342	414.848

Tổng kết lại, từ sau giải phóng miền Nam, Trung ương Đảng và Nhà nước đã chủ trương điều chỉnh ruộng đất trong nông thôn Nam Bộ, giải quyết những bất hợp lý về ruộng đất, xem đây là công tác hết sức quan trọng nhằm hoàn thành nhiệm vụ còn lại của cách mạng ruộng đất. Quá trình điều chỉnh ruộng đất đã đem lại cho những hộ nông dân nghèo có ruộng đất cày cấy, tạo cơ sở đưa nông thôn Nam Bộ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, quá trình điều chỉnh ruộng đất cũng vấp phải một số hạn chế, và có những tác động tiêu cực đối với tình hình sản xuất và xã hội ở nông thôn Nam Bộ.

V. Một số hạn chế của công cuộc điều chỉnh ruộng đất

1. Quá trình điều chỉnh ruộng đất đã gây nên những xáo trộn lớn về ruộng đất tại nông thôn Nam Bộ

Sau ngày giải phóng, mặc dù tại nông thôn Nam Bộ vẫn còn tồn tại tình hình chênh lệch ruộng đất giữa các tầng lớp trong xã hội, một bộ phận nông dân không có ruộng đất hoặc thiếu đất canh tác; nhưng về cơ bản, “ở Nam Bộ, trước khi bước vào cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp thì phần lớn ruộng đất đã về tay nhân dân lao động (khoảng 70%); phương thức chiếm hữu và bóc lột ruộng đất theo kiểu phong kiến về cơ bản đã bị xóa bỏ và thay vào đó là phương thức chiếm hữu và kinh doanh tư bản chủ nghĩa đang hình thành.”⁽⁴⁵⁾

Quá trình điều chỉnh ruộng đất đã gây nên sự xáo trộn ở Đồng bằng sông Cửu Long, nhất là từ sau năm 1980 trở đi, khi hầu hết các địa phương tiến hành giao khoán ruộng đất một cách đại trà và bình quân hóa ruộng đất. Việc chia ruộng đất theo kiểu cào bằng, mang tính đại trà đã gây nhiều tác hại. Dựa vào số liệu thống kê, chúng ta có thể tính được diện tích bình quân ruộng đất mà mỗi người nông dân nhận được trong quá trình điều chỉnh ruộng đất chỉ ở con số 0,8 ha.

Việc chia đất theo kiểu bình quân chủ nghĩa vẫn là một hành động làm lại cái đã hoàn thành về mặt lịch sử. Nó đã đi ngược lại quá trình tích tụ và tập trung ruộng đất. Diện tích ruộng đất bị phân tán, manh mún ngày càng tăng trong quá

trình điều chỉnh, chỉ trong vòng 10 năm, hầu như cả nông thôn *Đồng bằng sông Cửu Long* đã rung chuyển vì sự xáo trộn không cần thiết.⁽⁴⁶⁾ Tính chung, từ năm 1976 đến 1985, ở Đồng bằng sông Cửu Long có 331.201 ha được điều chỉnh và số hộ được điều chỉnh là 414.848 hộ. Do chia đi đổi lại nhiều lần, nên ruộng đất của nông hộ ở Đồng bằng sông Cửu Long có sự xáo trộn khá lớn. Chỉ còn 31% số hộ ở nông thôn là còn giữ nguyên trạng ruộng đất của họ.⁽⁴⁷⁾

Như vậy, có gần 70% dân cư nông thôn chịu sự tác động của việc điều chỉnh ruộng đất, hoặc bị san sẻ, bị cắt bớt, hoặc được nhận thêm ruộng. Nhiều hộ nông dân phải di chuyển qua những địa phương khác để nhận ruộng và tiến hành sản xuất. Chẳng hạn như ở ấp Nguyễn Láng B, huyện Cần Long, tỉnh Cửu Long chủ trương khoán thống nhất trên toàn bộ ấp theo định suất, mỗi định suất là 2/8 công. Giao đất khoán bằng cách bốc thăm dẫn đến tình trạng cào bằng, xáo canh trên toàn bộ ấp. Có hộ ở tập đoàn này phải qua tập đoàn khác nhận ruộng, có hộ ruộng liền nhà mà phải qua ruộng xa nhà nhận khoán.

2. Việc điều chỉnh ruộng đất đã ảnh hưởng đến lợi ích của nông dân, đặc biệt là tầng lớp trung nông

Trong công cuộc điều chỉnh ruộng đất, do nóng vội, chủ quan, muốn nhanh chóng đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể, chúng ta đã tiến hành điều chỉnh ruộng đất một cách ồ ạt theo kiểu bình quân ruộng đất và để lại những tổn thất không nhỏ cho nông thôn Nam Bộ. Trên thực tế, chúng ta luôn đặt mục tiêu “*triệt để xóa bỏ bóc lột ruộng đất của phú nông-tư sản nông thôn và một số địa chủ còn lại, điều chỉnh phần ruộng đất vượt quá mức lao động của trung nông trên để chia cấp ruộng đất cho những hộ nông dân không ruộng hoặc thiếu ruộng, giải quyết một phần tình trạng chênh lệch ruộng đất quá đáng ở nông thôn.*”⁽⁴⁸⁾ Tuy vậy, việc chia đất theo kiểu bình quân chủ nghĩa đã đi ngược lại quá trình tích tụ và tập trung ruộng đất và không phù hợp với yêu cầu khách quan của đời sống kinh tế ở đồng bằng Nam Bộ bấy giờ.

Những sai lầm đó đã dẫn đến một tình trạng là nhiều hộ gia đình có khả năng, kinh nghiệm trong sản xuất hàng hóa trước đây lại không có đủ tư liệu sản xuất. Nhất là bộ phận trung nông lớp trên, lực lượng sản xuất quan trọng nhất tại nông thôn Nam Bộ. Có thể thấy, trung nông chính là nhân vật trung tâm trong nền kinh tế nông thôn, chiếm khoảng 70-80% số hộ và ruộng đất, “*riêng ở Đồng bằng sông Cửu Long, tính theo số liệu điều tra dân số ngày 1-10-1979, trung nông chiếm 70% dân số ở nông thôn (khoảng 6.644.000 nhân khẩu) và 74% sức lao động ở nông thôn (2.790.000 người), chiếm khoảng 80% diện tích canh tác (1.752.000 ha), sản xuất ra hơn 80% tổng sản lượng lương thực vùng này.*”⁽⁴⁹⁾ Tầng lớp trung nông đã bị ảnh hưởng nặng nề bởi quá trình điều chỉnh ruộng đất, khiến họ mất đi động lực sản xuất, và có nhiều phản ứng tiêu cực.

Theo kết quả điều tra xã hội học ở 4 xã thuộc các tỉnh Hậu Giang, An Giang và Minh Hải tháng 4, 5 năm 1988 cho biết: *“trong thời kỳ điều chỉnh ruộng đất, đã có 30,6% số hộ nông dân đã phải nhường bớt ruộng đất, vì 15,6% số hộ là trung nông lớp trên nên 15% số hộ còn lại là trung nông thường cũng nằm vào diện san sẻ ruộng đất để điều chỉnh.”*⁽⁵⁰⁾ Ở một số địa phương cũng xảy ra tình trạng vì muốn thuyết phục trung nông một cách đơn giản và nhanh chóng, chúng ta đã dùng biện pháp “truy căn” nguồn gốc ruộng đất của họ từ nhiều đời trước và cho đó là đất của địa chủ để tịch thu ruộng đất của trung nông.

Người nông dân ở Nam Bộ là người nông dân sản xuất hàng hóa, họ có những mặt mạnh mà người nông dân ở vùng kinh tế tự cung, tự cấp không có. Đó chính là tầm nhìn xa, có kinh nghiệm sản xuất, nhạy bén với cái mới, tiếp thu nhanh kỹ thuật mới, có thói quen tính toán hiệu quả kinh tế theo quan điểm tái sản xuất, nghĩa là luôn luôn so sánh giữa chi phí và kết quả thu được, họ cũng có tính năng động trong kinh doanh, mạnh dạn thay đổi theo phương hướng sản xuất, để đạt hiệu quả kinh tế cao. Thế nhưng việc bình quân ruộng đất đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích của những hộ có khả năng, kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp, đó chính là những hộ trung nông. Bộ phận dân cư được chia ruộng đất phần lớn là gia đình trẻ có sức lao động, nhưng thiếu vốn, thiếu phương tiện, chưa có kinh nghiệm sản xuất, chưa có khả năng tích lũy để đầu tư cho sản xuất. Một số hộ khác được cấp ruộng đất, nhưng lại chưa từng làm nghề nông, chưa biết canh tác, do đó năng suất rất thấp. Trong khi tầng lớp trung nông có đủ điều kiện để tiến hành sản xuất trên một quy mô lớn hơn, nhưng tư tưởng cào bằng, bình quân đã đẩy nhiều hộ trung nông vào cảnh thiếu đất để sản xuất. Từ đó làm suy giảm năng suất của gia đình họ và của toàn vùng nông thôn miền Nam.

3. Quá trình điều chỉnh ruộng đất đã không tôn trọng quy luật vận động khách quan của nền kinh tế nông thôn Nam Bộ

Dưới sự du nhập của chủ nghĩa tư bản vào nông thôn, từ thế kỷ XX, tại đồng bằng Nam Bộ đã sớm hình thành nền nông nghiệp hàng hóa với quy mô lớn: *“sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp đã bước đầu phát triển. Cơ cấu sản xuất nông nghiệp đã đa dạng hơn, thích ứng với nhu cầu ngày càng tăng của thị trường. Nhiều vùng chuyên canh sản xuất tương đối tập trung đã hình thành. Mối liên hệ giữa thành thị và nông thôn, giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Nam Bộ, giữa các vùng được tăng cường.”*⁽⁵¹⁾ Đây là những nhân tố tích cực góp phần thúc đẩy nền sản xuất và thị trường gắn bó với nhau chặt chẽ.

Hơn nữa, dưới tác động của thị trường, tập trung ruộng đất là một quá trình mang tính khách quan và có nhiều điểm tích cực. Việc chúng ta đánh vào tầng lớp phú nông-tư sản nông nghiệp, đặc biệt là tầng lớp trung nông, thực hiện cào bằng,

bình quân ruộng đất thực chất đã đánh vào cơ sở xã hội của nền sản xuất hàng hóa tại miền Nam, thủ tiêu tư liệu sản xuất của quan hệ sản xuất hàng hóa tại đây.

Những hạn chế trong quá trình điều chỉnh ruộng đất đã tác động tiêu cực đến sản xuất nông sản hàng hóa của trung nông, ruộng đất của những hộ trung nông sản xuất giỏi, có kinh nghiệm và điều kiện sản xuất nông sản hàng hóa bị suy giảm. Việc điều chỉnh ruộng đất đã giải quyết phần nào nhu cầu ruộng đất của nông dân thiếu đất, xóa bỏ quan hệ sản xuất phong kiến, xóa bỏ thực trạng bóc lột ở nông thôn. Tuy nhiên, việc bình quân ruộng đất đến mức cào bằng là chưa phù hợp với nền kinh tế nông nghiệp hàng hóa và kinh tế tiền tệ thị trường đang bước đầu phát triển. Nó bị thay thế bằng kinh tế hiện vật, tiểu nông thô sơ manh mún, tự cấp tự túc, lưu thông ách tắc, đình trệ, kìm hãm năng lực sản xuất trong nông nghiệp và nông thôn ở Nam Bộ.⁽⁵²⁾

Có thể thấy *“chúng ta đã phạm nhiều thiếu sót trong cải tạo tư sản nông thôn: nóng vội cải tạo nên không phát huy hết công suất lực lượng máy móc nông nghiệp vốn có trong tay phú nông, tư sản trước đó, không gắn chặt cải tạo với xây dựng quan hệ sản xuất mới, phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất trong nông nghiệp và phù hợp với quá trình sản xuất, lưu thông đang diễn tiến...”*⁽⁵³⁾ Thay vì thực hiện “điều chỉnh theo lao động” chúng ta đã thực hiện chính sách “cào bằng” và gây ra nhiều hậu quả cho toàn bộ nông thôn Nam Bộ sau khi công cuộc điều chỉnh ruộng đất được hoàn thành. Sau khi nhận ra những sai lầm nghiêm trọng đó, Đảng và Nhà nước ta đã kịp thời có những biện pháp phù hợp để giải quyết tình hình ruộng đất ở Nam Bộ. Bắt đầu từ Chỉ thị số 47-CT/TW của Bộ Chính trị ngày 31 tháng 8 năm 1988 “Về việc giải quyết một số vấn đề cấp bách về ruộng đất” và sau đó là nhiều chỉ thị, quyết định khác. Nhìn chung, từ sau năm 1988 đến nay, vấn đề ruộng đất ở nông thôn Nam Bộ đã được giải quyết ổn thỏa, góp phần thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển và đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

4. Công cuộc điều chỉnh ruộng đất đã tác động tiêu cực đến tình hình sản xuất và đời sống ở nông thôn Nam Bộ

Dưới tác động của công cuộc điều chỉnh ruộng đất ở nông thôn Nam Bộ kể từ sau khi giải phóng đến giữa những năm 1980, tình hình kinh tế, xã hội ở nông thôn Nam Bộ có nhiều biến động lớn so với giai đoạn trước giải phóng. Chính sự thay đổi về cơ cấu sở hữu ruộng đất đã làm thay đổi bộ mặt kinh tế và xã hội ở vùng này.

Trong giai đoạn từ năm 1975 đến 1980, tương ứng với giai đoạn đầu của công cuộc điều chỉnh ruộng đất, sản xuất lương thực ở Đồng bằng sông Cửu Long luôn trong tình trạng bấp bênh, sản lượng lương thực không năm nào vượt qua mức trung bình của thời kỳ trước 1975. Ở An Giang, thời kỳ từ 1976 đến 1980, tổng sản lượng lương thực bình quân hằng năm chỉ đạt trên dưới 500.000 tấn, mức tăng

trường nông nghiệp chỉ đạt 12%/năm. Dựa theo số liệu thống kê, từ năm 1976 đến 1980, mặc dù diện tích canh tác ở An Giang được mở rộng từ 220,7 nghìn ha đến 288,1 nghìn ha nhưng sản lượng lúa có xu hướng giảm dần tại chỗ, thậm chí suy giảm, năng suất lúa giảm liên tục từ 22,4 tạ/ha năm 1976 xuống 16,36 tạ/ha năm 1980.⁽⁵⁴⁾ Dưới đây là bảng thống kê diện tích ruộng đất, sản lượng và năng suất lúa tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long từ 1976-1980.

**Bảng 3: Diện tích ruộng đất, sản lượng và năng suất lúa
ở Đồng bằng sông Cửu Long từ 1976 đến 1980⁽⁵⁵⁾**

Năm	1976	1977	1978	1979	1980
Diện tích (nghìn ha)	2.062	2.099	2.062	2.086	2.296
Năng suất (tạ/ha)	20,40	16,57	17,29	22,29	23,07
Sản lượng (nghìn tấn)	4.665	4.214	3.417	4.650	5.279

Trong giai đoạn 1976-1979, diện tích canh tác, năng suất lúa và sản lượng nhìn chung có xu hướng giảm. Trong những năm này, công cuộc điều chỉnh ruộng đất và hợp tác hóa nông nghiệp đã được thực hiện bước đầu, chính những xáo trộn xuất phát từ việc điều chỉnh lại ruộng đất và hợp tác hóa đã ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp ở nông thôn Nam Bộ. *“Đành rằng năm 1978, các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long bị lũ lụt lớn làm thiệt hại hàng trăm, hàng ngàn ha lúa vụ mùa. Song bên cạnh đó, những tiêu cực của phong trào hợp tác hóa cũng gây tác hại không nhỏ, mà điển hình là hiện tượng nông dân phản ứng lại cơ chế sản xuất tập thể bằng các hình thức bỏ ruộng không gieo sạ, lơ là chăm sóc làm cho năng suất lúa giảm sút.”*⁽⁵⁶⁾ Đối chiếu với mục tiêu của Kế hoạch 5 năm 1976-1980 do Đại hội IV đề ra thì hầu hết các chỉ tiêu so với kế hoạch không đạt được. Sản lượng lương thực chỉ đạt 68,5%. Nhiều chỉ tiêu còn thể hiện rõ xu hướng giảm sút đáng lo ngại, trong đó sự giảm sút về năng suất lúa là rõ nét nhất. Sản lượng bình quân đầu người cũng giảm sút ngoài sức tưởng tượng từ 221kg năm 1976 xuống còn 157kg năm 1980.⁽⁵⁷⁾

Đến giai đoạn 1981-1985, sau khi thực hiện chủ trương từ Chỉ thị số 100 của Ban Bí thư về việc khoán sản phẩm trong nông nghiệp, trên thực tế là khoán nguyên canh ruộng đất cho nông dân sản xuất, ổn định phần nào về sở hữu ruộng đất cho các hộ, đặc biệt là trung nông, tình hình sản xuất đã có những chuyển biến đáng ghi nhận: sản lượng lúa tăng 27%, năng suất tăng 23,8% so với giai đoạn trước,⁽⁵⁸⁾ *“năm 1985, diện tích gieo trồng đạt 3,5 triệu ha tăng 90 vạn ha so với 1976, tổng sản lượng quy thóc đạt 8.310 ngàn tấn, tăng 2.661 ngàn tấn, năng suất lúa bình quân 1 vụ đạt 313 tạ/ha, tăng 11 tạ/ha, và lương thực bình quân đạt 555kg, tăng 101kg so với 1976.”*⁽⁵⁹⁾ Ở Tiền Giang, từ 1981 đến 1985, sản lượng lúa tăng liên tục từ 526 nghìn tấn lên 790 nghìn tấn, sản lượng tăng từ 27,05 tạ/ha lên 39,50 tạ/ha. Ở tỉnh An Giang, sản lượng lúa năm 1981 là 691,6 nghìn tấn thì đến năm 1985 con số này tăng lên thành 843,3 nghìn tấn, tăng gần 1,3 lần.⁽⁶⁰⁾

Tuy sản xuất nông nghiệp thời kỳ 1981-1985 có sự tăng trưởng nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu lương thực. Do đó, trong những năm này, nhà nước còn phải nhập khẩu lương thực với một lượng không nhỏ. Năm 1981 nhập 642.000 tấn, năm 1982 nhập 451.000 tấn, năm 1983 nhập 121.000 tấn, năm 1984 nhập 514.000 tấn và năm 1985 nhập 85.000 tấn.⁽⁶¹⁾

Sau khi quá trình điều chỉnh ruộng đất được hoàn thành vào năm 1985, đa số nông dân ở Nam Bộ đều có ruộng đất trong tay. Trong đợt điều chỉnh ở giai đoạn đầu, nhiều vấn đề khó khăn đã xuất hiện và tác động không tốt đến tình hình sản xuất ở nông thôn miền Nam, khiến tình trạng thiếu hụt lương thực ngày càng trầm trọng. Bắt đầu từ năm 1981, tình trạng này dần được cải thiện hơn, đời sống nông dân được ổn định hơn. Tuy nhiên, nhiều vấn đề xã hội khác lại xuất hiện sau đó, điều này đã tác động không nhỏ đến nông thôn Nam Bộ bấy giờ.

Nhiều nông dân đã đưa đơn yêu cầu trả lại số ruộng đất đã bị lấy bớt để điều chỉnh trước đây. Số đơn của nông dân yêu cầu trả lại ruộng đất đã tăng lên 120.000 đơn. Trong đó, ở An Giang có 41.000 đơn, Cửu Long có 10.000 đơn, Đồng Tháp: 20.000 đơn, Tiền Giang: 6.435 đơn, Minh Hải: 18.000 đơn, Kiên Giang: 5.435 đơn, Thành phố Hồ Chí Minh: 3.200 đơn.⁽⁶²⁾ Chưa kể đến hàng trăm trường hợp nông dân không đưa đơn nhưng tự ra chiếm lại đất cũ, tranh chấp với người được giao đất điều chỉnh. Việc tranh chấp không chỉ diễn ra trong nội bộ nông dân, mà còn xảy ra giữa nông dân với một số cơ sở quốc doanh nông lâm nghiệp, giữa đồng bào dân tộc ít người với đồng bào Kinh đến xây dựng kinh tế mới.

Tình hình tranh chấp ruộng đất trong nông thôn Nam Bộ bắt đầu diễn ra kể từ sau năm 1986. Lúc đầu những tranh chấp ruộng đất xuất hiện ở một vài nơi với mức độ thấp, phạm vi hẹp nhưng chỉ một năm sau đó đã nhanh chóng lan rộng khắp nơi trong đồng bằng với mức độ ngày càng gay gắt, phức tạp. Ở Bến Tre, tính đến năm 1990, *“tổng số vụ tranh chấp ruộng đất (...) lên đến 22.197 vụ, riêng năm 1990 là 6.620 vụ (...). Tính đến thời điểm 1989-1990, Vĩnh Long có 5.816 vụ tranh chấp ruộng đất, trong đó có 3.526 vụ, chiếm 60,62% trường hợp đòi lại ruộng đất do cải tạo nông nghiệp, đất bị xâm canh, khoán, cào bằng, đất “nhường cơm sẻ áo.”*⁽⁶³⁾

Để giải quyết những tranh chấp này, ngày 31/8/1988, Bộ Chính trị đã ra Chỉ thị số 47 về “Giải quyết một số vấn đề cấp bách về ruộng đất” và tiếp đó là Thông báo số 128 TB/BCT và Quyết định số 13 của Hội đồng Bộ trưởng về các chủ trương và biện pháp giải quyết vấn đề tranh chấp ruộng đất ở Nam Bộ. Việc tranh chấp đã cơ bản được giải quyết. Đến năm 1990 diện tranh chấp đã được thu hẹp, chỉ còn 5-10% số vụ việc mà thôi.⁽⁶⁴⁾

Qua việc điều chỉnh ruộng đất ở Nam Bộ và hệ quả của nó, chúng ta có thể thấy rằng: *“Nếu Đảng lãnh đạo nông dân đấu tranh xóa bỏ quan hệ ruộng đất*

thực dân phong kiến, giành quyền làm chủ ruộng đất về tay nông dân lao động là đã hoàn thành nhiệm vụ cách mạng ruộng đất trong cách mạng dân tộc dân chủ. Qua cách mạng ruộng đất, còn một bộ phận nông dân chưa có hoặc thiếu ruộng đất là điều khó tránh khỏi: tình hình này có thể giải quyết bằng những chính sách và biện pháp kinh tế-xã hội khác như khai hoang xây dựng những khu kinh tế mới, mở thêm ngành nghề sản xuất và dịch vụ ở nông thôn để tạo thêm việc làm cho số nông dân nói trên.”⁽⁶⁵⁾

H P

CHÚ THÍCH

- (1) Martin Ravallion, Dominique van de Walle. (2008). *Đất đai trong thời kỳ chuyển đổi: Cải cách và nghèo đói ở nông thôn Việt Nam*. Nxb Văn hóa thông tin. Hà Nội, tr. 15.
- (2) Cao Văn Lượng, Phạm Quang Toàn, Quỳnh Cư. (1981). *Tìm hiểu phong trào Đồng khởi ở miền Nam Việt Nam*. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội, tr. 13.
- (3) Võ Văn Sen. (2011). *Vấn đề ruộng đất ở Đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam (1954-1975)*. Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 61.
- (4) Nguyễn Phong, Hoàng Linh. (1962). *Vấn đề nông dân ở miền Nam Việt Nam*. Nxb Khoa học. Hà Nội, tr. 25-26.
- (5) Vũ Quang Hiển (chủ biên). (2013). *Đảng với vấn đề nông dân, nông nghiệp và nông thôn (1930-1975)*. Nxb Chính trị Quốc gia-Sự thật. Hà Nội, tr. 321.
- (6) Edward Miller. (2016). *Liên minh sai lầm: Ngô Đình Diệm, Mỹ và số phận Nam Việt Nam*. Nxb Chính trị Quốc gia, tr. 218.
- (7) Trương Thị Tiến. *Vài suy nghĩ về sự biến đổi của chế độ sở hữu ruộng đất ở nông thôn Đồng bằng sông Cửu Long (1954-1975)*. Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế. Số 199, tr. 47.
- (8) Lâm Quang Huyền. (1997). *Cách mạng ruộng đất ở miền Nam Việt Nam*. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội, tr. 52.
- (9) Martin Ravallion, Dominique van de Walle. (2008). *Đất đai trong thời kỳ chuyển đổi: Cải cách và nghèo đói ở nông thôn Việt Nam*. Sđd, tr. 16.
- (10) Nguyễn Thu Sa. (1990). “Vấn đề ruộng đất ở Đồng bằng sông Cửu Long.” *Miền Nam trong sự nghiệp đổi mới của cả nước*. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội, tr. 144.
- (11) Võ Văn Sen. (2011). *Vấn đề ruộng đất ở Đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam (1954-1975)*. Sđd, tr. 135.
- (12) Huỳnh Thị Gấm. (2007). *Những biến đổi kinh tế - xã hội ở nông thôn Đồng bằng sông Cửu Long từ năm 1975 đến năm 1995*. Sđd, tr. 44-45.
- (13) Võ Văn Sen. (2011). *Vấn đề ruộng đất ở Đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam (1954-1975)*. Sđd, tr. 163.
- (14) Nguyễn Sinh Cúc. (1981). *Thực trạng nông nghiệp nông thôn và nông dân Việt Nam*. Nxb Thống kê. Hà Nội, tr. 29.
- (15) “Báo cáo của Bộ Chính trị tại Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương”. *Văn kiện Đảng toàn tập*. Tập 36. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội, tr. 331.
- (16) “Nghị quyết của Bộ Chính trị số 254-NQ/TW ngày 15 tháng 7 năm 1976”. *Văn kiện Đảng toàn tập*. Tập 37. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội, tr. 223.

- (17) Nguyễn Thành Nam. (2001). *Việc giải quyết vấn đề ruộng đất trong quá trình đi lên sản xuất lớn ở Đồng bằng sông Cửu Long 1975-1993*. Luận án Tiến sĩ. Đại học Khoa học XH&NV - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, tr. 68.
- (18) Nguyễn Văn Nhật. (1990). *Cải tạo nông nghiệp ở Nam Bộ - những chặng đường và bài học*. Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*. Số 3 (250), tr. 11.
- (19) Nguyễn Thành Nam. (2001). *Việc giải quyết vấn đề ruộng đất trong quá trình đi lên sản xuất lớn ở Đồng bằng sông Cửu Long 1975-1993*. Luận án Tiến sĩ đã dẫn, tr. 60.
- (20) Nguyễn Thu Sa. (1990). “Vấn đề ruộng đất ở Đồng bằng sông Cửu Long.” *Miền Nam trong sự nghiệp đổi mới của cả nước*. Sđd, tr. 148.
- (21) “Chỉ thị của Bộ Chính trị số 57-CT/TW ngày 15 tháng 11 năm 1987”. *Văn kiện Đảng toàn tập*. Tập 39. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội, tr. 465-466.
- (22) “Chỉ thị của Bộ Chính trị số 57-CT/TW ngày 15 tháng 11 năm 1987”. *Văn kiện Đảng toàn tập*. Tập 39. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội, tr. 470-471.
- (23) Nguyễn Thành Nam. (2001). *Việc giải quyết vấn đề ruộng đất trong quá trình đi lên sản xuất lớn ở Đồng bằng sông Cửu Long 1975-1993*. Luận án Tiến sĩ đã dẫn, tr. 61.
- (24) Vũ Trọng Khải. (1989). *Vấn đề điều chỉnh ruộng đất, xóa bỏ mọi hình thức bóc lột ở nông thôn Nam Bộ hiện nay*. Tạp chí *Nghiên cứu Kinh tế*. Số 5 (171), tr. 34.
- (25) Huỳnh Thị Gấm. (2007). *Những biến đổi kinh tế - xã hội ở nông thôn Đồng bằng sông Cửu Long từ năm 1975 đến năm 1995*. Sđd, tr. 103.
- (26) Nguyễn Thành Nam. (2001). *Việc giải quyết vấn đề ruộng đất trong quá trình đi lên sản xuất lớn ở Đồng bằng sông Cửu Long 1975-1993*. Luận án Tiến sĩ đã dẫn, tr. 62.
- (27) Nguyễn Thành Nam. (2001). *Việc giải quyết vấn đề ruộng đất trong quá trình đi lên sản xuất lớn ở Đồng bằng sông Cửu Long 1975-1993*. Luận án Tiến sĩ đã dẫn, tr. 62.
- (28) “Kiến quyết điều chỉnh lại ruộng đất ở nông thôn Nam Bộ”. Tạp chí *Cộng sản*. Số 10/1982, tr. 36.
- (29) “Kiến quyết điều chỉnh lại ruộng đất ở nông thôn Nam Bộ”. Tạp chí *Cộng sản*. Số 10/1982, tr. 35.
- (30) “Thông báo số 14-TB/TW ngày 30 tháng 4 năm 1981”. *Văn kiện Đảng toàn tập*. Tập 42. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội, tr. 199.
- (31) “Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ V do đồng chí Phạm Văn Đồng, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng trình bày”. *Văn kiện Đảng toàn tập*. Tập 43, tr. 173.
- (32) Nguyễn Thành Nam. (2001). *Việc giải quyết vấn đề ruộng đất trong quá trình đi lên sản xuất lớn ở Đồng bằng sông Cửu Long 1975-1993*. Luận án Tiến sĩ đã dẫn, tr. 63.
- (33) Nguyễn Thu Sa. (1990). “Vấn đề ruộng đất ở Đồng bằng sông Cửu Long”. *Miền Nam trong sự nghiệp đổi mới của cả nước*. Sđd, tr. 149.
- (34) Tổng hợp các số liệu trong Luận án của Nguyễn Thành Nam.
- (35) “Hoàn thành điều chỉnh ruộng đất, đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở các tỉnh Nam Bộ”. Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*. Số 7/1983, tr. 47.
- (36) Nguyễn Thu Sa. (1990). “Vấn đề ruộng đất ở Đồng bằng sông Cửu Long”. *Miền Nam trong sự nghiệp đổi mới của cả nước*. Sđd, tr. 149.
- (37) “Chỉ thị của Ban Bí thư số 19-CT/TW ngày 3 tháng 5 năm 1983”. *Văn kiện Đảng toàn tập*. Tập 44. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội, tr. 98.

- (38) “Chỉ thị của Ban Bí thư số 19-CT/TW ngày 3 tháng 5 năm 1983”. *Văn kiện Đảng toàn tập*. Tập 44. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội, tr. 99-100.
- (39) Vũ Trọng Khải. (1989). “Vấn đề điều chỉnh ruộng đất, xóa bỏ mọi hình thức bóc lột ở nông thôn Nam Bộ hiện nay”. *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế*. Số 5 (171), tr. 34.
- (40) Nguyễn Thành Nam. (2001). *Việc giải quyết vấn đề ruộng đất trong quá trình đi lên sản xuất lớn ở Đồng bằng sông Cửu Long 1975-1993*. Luận án Tiến sĩ đã dẫn, tr. 65.
- (41) Nguyễn Thành Nam. (2001). *Việc giải quyết vấn đề ruộng đất trong quá trình đi lên sản xuất lớn ở Đồng bằng sông Cửu Long 1975-1993*. Luận án Tiến sĩ đã dẫn, tr. 66.
- (42) Xem Huỳnh Văn Niêm. (1985). *Nông nghiệp Tiền Giang 10 năm sau giải phóng*. *Tạp chí Cộng sản*. Số 4, tr. 60-64. Dẫn theo Lê Phước Thọ (1985). “Nhìn lại chặng đường mười năm cải tạo và phát triển sản xuất nông nghiệp của Hậu Giang”. *Tạp chí Cộng sản*. Số 4, tr. 54-59.
- (43) Nguyễn Văn Nhật. (1990). “Cải tạo nông nghiệp ở Nam Bộ - Những chặng đường và bài học”. *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*. Số 3 (200), tr. 14.
- (44) Tổng cục Thống kê. (1989). *Báo cáo phân tích thống kê 30 năm hợp tác hóa nông nghiệp (1958-1989)*, tr. 67. Dẫn theo Huỳnh Thị Gấm. (2007). *Những biến đổi kinh tế - xã hội ở nông thôn Đồng bằng sông Cửu Long từ năm 1975 đến năm 1995*. Nxb Lý luận Chính trị. Hà Nội, tr. 283.
- (45) Trương Thị Tiến. (1989). “Vài nét về phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở các tỉnh Nam Bộ (1976-1985)”. *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế*. Số 4, tr. 22.
- (46) Nguyễn Thu Sa. (1990). “Vấn đề ruộng đất ở Đồng bằng sông Cửu Long”. *Miền Nam trong sự nghiệp đổi mới của cả nước*. Sđd, tr. 149.
- (47) Huỳnh Thị Gấm. (2007). *Những biến đổi kinh tế - xã hội ở nông thôn Đồng bằng sông Cửu Long từ năm 1975 đến năm 1995*. Sđd, tr. 105.
- (48) Ban Nông nghiệp Trung ương. (1983). *Tài liệu huấn luyện về cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp Nam Bộ*. Nxb Nông nghiệp. Hà Nội, tr. 17-18.
- (49) Cao Văn Lượng. (1990). “Suy nghĩ về một số di sản lịch sử trong nông thôn, nông nghiệp miền Nam khi tiến lên chủ nghĩa xã hội”. *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*. Số 2 (249), tr. 75.
- (50) Lâm Quang Huyền. (1997). *Cách mạng ruộng đất ở miền Nam Việt Nam*. Sđd, tr. 74.
- (51) Cao Văn Lượng. (1990). “Suy nghĩ về một số di sản lịch sử trong nông thôn, nông nghiệp miền Nam khi tiến lên chủ nghĩa xã hội”. Sđd, tr. 80.
- (52) Huỳnh Thị Gấm. (2007). *Những biến đổi kinh tế - xã hội ở nông thôn Đồng bằng sông Cửu Long từ năm 1975 đến năm 1995*. Sđd, tr. 107.
- (53) Võ Văn Sen. (2011). *Vấn đề ruộng đất ở Đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam (1954-1975)*. Sđd, tr. 169.
- (54) *Số liệu thống kê nông, lâm, ngư nghiệp Việt Nam từ 1976-1991*. Nxb Thống kê. Hà Nội, tr. 94.
- (55) Nguyễn Sinh Cúc. (1991). *Thực trạng nông nghiệp, nông thôn và nông dân Việt Nam*. Nxb Thống kê. Hà Nội, tr. 28
- (56) Nguyễn Sinh Cúc. (1991). *Thực trạng nông nghiệp, nông thôn và nông dân Việt Nam*. Sđd, tr. 28.
- (57) Đặng Phong. (2013). *Tư duy kinh tế Việt Nam 1975-1989*. Nxb Tri thức, tr. 148.
- (58) Nguyễn Thành Nam. (2001). *Việc giải quyết vấn đề ruộng đất trong quá trình đi lên sản xuất lớn ở Đồng bằng sông Cửu Long 1975-1993*. Luận án Tiến sĩ đã dẫn, tr. 103.

- (59) Nguyễn Văn Nhật. (1990). *Cải tạo nông nghiệp ở Nam Bộ - Những chặng đường và bài học*. Sđd, tr.14.
- (60) *Số liệu thống kê nông, lâm, ngư nghiệp Việt Nam từ 1976-1991*. Sđd, tr. 94.
- (61) Nguyễn Sinh Cúc. (1991). *Thực trạng nông nghiệp. nông thôn và nông dân Việt Nam*. Sđd, tr. 40.
- (62) Lâm Quang Huyền. (1997). *Cách mạng ruộng đất ở miền Nam Việt Nam*. Sđd, tr. 175.
- (63) Nguyễn Thành Nam. (2001). *Việc giải quyết vấn đề ruộng đất trong quá trình đi lên sản xuất lớn ở Đồng bằng sông Cửu Long 1975-1993*. Luận án Tiến sĩ đã dẫn, tr. 112.
- (64) Nguyễn Văn Nhật. (1990). “Cải tạo nông nghiệp ở Nam Bộ - những chặng đường và bài học”. Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 3 (250), tr.116.
- (65) Lâm Quang Huyền. (1997). *Cách mạng ruộng đất ở miền Nam Việt Nam*. Sđd, tr. 176.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Nông nghiệp Trung ương. (1983). *Tài liệu huấn luyện về cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp Nam Bộ*. Nxb Nông nghiệp. Hà Nội.
2. Cao Văn Lượng. (1976). “Chính sách ruộng đất của Mỹ-Ngụy”. Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*. Số 6 (171), tr. 16-25.
3. Cao Văn Lượng. (1990). “Suy nghĩ về một số di sản lịch sử trong nông thôn, nông nghiệp miền Nam khi tiến lên chủ nghĩa xã hội”. Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*. Số 2 (249), tr. 76-83.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đảng toàn tập*. Tập 36, 37, 38, 39, 41, 42, 43, 44, 45, 49. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội.
5. Đặng Phong. (2013). *Tư duy kinh tế Việt Nam 1975-1989*. Nxb Tri thức.
6. “Hoàn thành điều chỉnh ruộng đất, đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở các tỉnh Nam Bộ”. Tạp chí *Cộng sản*. Số 7/1983, tr. 47-52.
7. Huỳnh Văn Niêm. (1985). “Nông nghiệp Tiền Giang 10 năm sau giải phóng”. Tạp chí *Cộng sản*. Số 4, tr. 60-64.
8. Huỳnh Thị Gấm. (2007). *Những biến đổi kinh tế - xã hội ở nông thôn Đồng bằng sông Cửu Long từ năm 1975 đến năm 1995*. Nxb Lý luận chính trị. Hà Nội.
9. “Kiến quyết điều chỉnh lại ruộng đất ở nông thôn Nam Bộ”. Tạp chí *Cộng sản*. số 10/1982, tr. 35-57.
10. Lâm Quang Huyền. (1997). *Cách mạng ruộng đất ở miền Nam Việt Nam*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Lâm Quang Huyền. (2002). *Nông nghiệp nông thôn Nam Bộ hướng tới thế kỷ XXI*. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội.
12. Lâm Quang Huyền. (2002). *Vấn đề ruộng đất ở Việt Nam*. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội.
13. Lê Duẩn. (1979). *Con đường hợp tác hóa nông nghiệp ở miền Nam*. Nxb Sự thật. Hà Nội.
14. Lê Duẩn. (1980). *Cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam*. Nxb Sự thật. Hà Nội.
15. Lê Phước Thọ. (1985). “Nhìn lại chặng đường mười năm cải tạo và phát triển sản xuất nông nghiệp của Hậu Giang”. Tạp chí *Cộng sản*. Số 4, tr. 54-59.
16. Martin Ravallion và Dominique van de Walle. (2008). *Đất đai trong thời kỳ chuyển đổi: Cải cách và nghèo đói ở nông thôn Việt Nam*. Nxb Văn hóa thông tin. Hà Nội.
17. Nguyễn Hồng Hiền. (1989). *Nông nghiệp Đồng bằng sông Cửu Long ngày trước, ngày nay và triển vọng đến 1990 và sau 1990*. Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.

18. Nguyễn Công Bình (Chủ biên). (1995). *Đồng bằng sông Cửu Long nghiên cứu và phát triển*. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội.
19. Nguyễn Phong, Hoàng Linh. (1962). *Vấn đề nông dân ở miền Nam Việt Nam*. Nxb Khoa học. Hà Nội.
20. Nguyễn Sinh Cúc. (1991). *Thực trạng nông nghiệp, nông thôn, nông dân ở Việt nam 1976-1990*. Nxb Thống kê. Hà Nội.
21. Nguyễn Thành Nam. (2000). *Việc giải quyết vấn đề ruộng đất trong quá trình đi lên sản xuất lớn ở Đồng bằng sông Cửu Long 1975-1993*. Luận án Tiến sĩ, ĐHKHXH & NV - ĐHQG TP. Hồ Chí Minh.
22. Nguyễn Trần Trọng. (1980). *Những vấn đề về công tác cải tạo và xây dựng nông nghiệp ở các tỉnh phía Nam*. Nxb Nông nghiệp. Hà Nội.
23. Nguyễn Văn Nhật. (1990). “Cải tạo nông nghiệp ở Nam Bộ-những chặng đường và bài học. Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*”. Số 3 (250), tr. 11-20.
24. Nguyễn Văn Nhật. (1983). “Tầng lớp trung nông ở đồng bằng Nam Bộ trước ngày giải phóng. Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*”. Số 1 (208), Tr. 15-21.
25. Phạm Xuân Nam. (2001). “Nhìn lại bước thăng trầm của nông nghiệp, nông thôn ở nước ta trước và trong thời kỳ đổi mới”. Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*. Số 5 (318).
26. Quyết Tiến. (1984). “Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp”. Tạp chí *Cộng sản*. Số 6, tr. 41-47.
27. *Số liệu thống kê nông, lâm, ngư nghiệp Việt Nam 1976-1991*. Nxb Thống kê Hà Nội.
28. *Số liệu thống kê nông nghiệp 35 năm: 1956-1990*. Nxb Thống kê. Hà Nội.
29. “Tiến hành tích cực và vững chắc công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở các tỉnh Nam Bộ”. Tạp chí *Cộng sản*. Số 11/1984, tr. 1-5.
30. Trần Thị Bích Ngọc. (1986). “Chủ nghĩa thực dân mới và vấn đề sở hữu ruộng đất ở Đồng bằng sông Cửu Long (1954-1975)”. Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*. Số 2, tr. 28-33.
31. Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Quốc tế của Ô-x-trây-li-a. (2007). *Phát triển nông nghiệp và chính sách đất đai ở Việt Nam*.
32. Trương Thị Tiến. (1989). “Vài nét về phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở các tỉnh Nam Bộ (1976-1985)”. Tạp chí *Nghiên cứu Kinh tế*. Số 4 (170), tr. 20-28.
33. Trương Thị Tiến. “Vài suy nghĩ về sự biến đổi của chế độ sở hữu ruộng đất ở nông thôn Đồng bằng sông Cửu Long (1954-1975)”. Tạp chí *Nghiên cứu Kinh tế*. Số 199, tr. 46-51.
34. Văn Tạo. (1983). “Cách mạng ruộng đất, bước chuẩn bị đưa nông dân Việt Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội”. Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*. Số 3 (210), tr. 1-11, 23.
35. Viện Khoa học Xã hội. (1982). *Một số vấn đề khoa học xã hội về Đồng bằng sông Cửu Long*. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội.
36. Viện Khoa học Xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh. (1990). *Miền Nam trong sự nghiệp đổi mới của cả nước*. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội.
37. Viện Sử học. (1979). *Nông dân Việt Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội*. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội.
38. Võ Chí Công. (1979). “Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp các tỉnh miền Nam”. Tạp chí *Cộng sản*. Số 2, tr. 2-14.

39. Võ Văn Sen. (2011). *Vấn đề ruộng đất ở Đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam (1954-1975)*. Nxb Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.
40. Vũ Oanh. (1984). *Hoàn thành điều chỉnh ruộng đất đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp các tỉnh Nam Bộ*. Nxb Sự thật. Hà Nội.

TÓM TẮT

Từ năm 1975 đến giữa những năm 1980, ở nông thôn Nam Bộ đã diễn ra cuộc điều chỉnh ruộng đất nhằm xóa bỏ những tàn dư bóc lột thực dân, phong kiến, chia ruộng đất cho những hộ nông dân không có hoặc thiếu ruộng đất, nhằm tạo tiền đề cho quá trình hợp tác hóa, đưa nông thôn miền Nam tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Công cuộc điều chỉnh ruộng đất đã được tiến hành thành hai đợt lớn, đợt 1 từ năm 1978 đến năm 1982 và đợt 2 từ giữa năm 1983 đến năm 1985. Quá trình điều chỉnh ruộng đất đã có tác động rất lớn đến cơ cấu sở hữu ruộng đất, tình hình kinh tế nông nghiệp và xã hội ở nông thôn Nam Bộ bấy giờ. Nó đã bộc lộ nhiều hạn chế và để lại cho chúng ta những bài học quý giá trong công tác giải quyết vấn đề ruộng đất sau này.

ABSTRACT

LOOK BACK ON LAND ADJUSTMENT IN THE RURAL AREAS OF THE SOUTHERN OF VIETNAM FROM 1975 TO THE MIDDLE 1980S

From 1975 to the mid-1980s, a land adjustment took place in the rural areas of the Southern in order to eliminate the remnant of the colony and feudal, divided the land to peasants households who did not own it or the lack of fields. It contributed to promoting the corporation and turned the rural area of the Southern into massive production under the socialist. Land adjustments were executed by 2 periods, the first period lasted from 1978 to 1982 and the other lasted from the middle of 1983 to 1985. The process of land adjustment made a large impaction on-field ownership and both the Southern agricultural economy and society at that time. Nevertheless, it expressed a lot of mistakes and left us worth experiences in dealing with land issues later.